

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

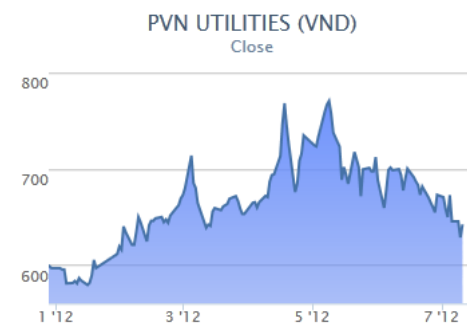
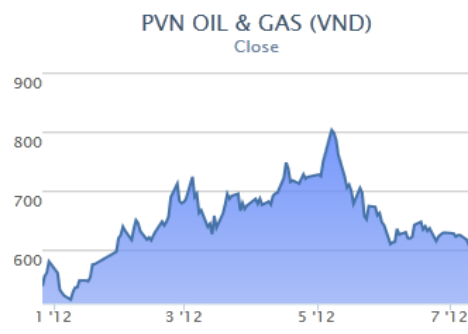


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	773.32	↑10.91	↑ 1.43
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	658.44	↑ 7.34	↑ 1.13
PVN ALLSHARE	641.66	↑ 7.08	↑ 1.12
PVN ALLSHARE HNX	565.34	↑ 8.61	↑ 1.55
PVN ALLSHARE HSX	686.97	↑ 7.27	↑ 1.07
PVN Vật Liệu Cơ Bản	971.01	↑ 8.7	↑ 0.9
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	823.94	↑14.08	↑ 1.74
PVN Tài Chính	582.14	↑10.28	↑ 1.8
PVN Công Nghiệp	484.68	↑ 8.56	↑ 1.8
PVN Dầu Khí	615.08	↑ 6.08	↑ 1
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	642.28	↑13.63	↑ 2.17

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	407.30 ↑	1.90	0.47%
KLGD (triệu ck)	22.77 ↓	-5.58	-19.67%
GTGD (tỷ đồng)	337.06 ↓	-129.67	-27.78%
Tổng cung (triệu ck)	73.27 ↓	-54.17	-42.50%
Tổng cầu (triệu ck)	85.40 ↓	-59.02	-40.87%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.20 ↓	-1.06	-46.85%
KL bán (triệu ck)	2.08 ↓	-1.77	-45.99%
Giá trị mua (tỷ đồng)	20,391.23 ↓	-34,828.09	-63.07%
Giá trị bán (tỷ đồng)	45,792.51 ↓	-41,525.32	-47.56%

Fitch Ratings giữ nguyên xếp hạng nhà phát hành nợ ngoại tệ dài hạn (IDR) của Sacombank (HOSE: STB), Vietinbank (HOSE: CTG), NHTMCP Á Châu (HNX: ACB) và Agribank ở mức “B” với triển vọng “ổn định”. Việc giữ nguyên xếp hạng triển vọng của các NH này phản ánh quan điểm của Fitch khi tổ chức này đánh giá tốt khả năng quản lý rủi ro và duy trì tài chính lành mạnh của ngân hàng TMCP (ACB và STB), và đánh giá triển vọng ổn định của các NH quốc doanh nhờ kì vọng chính phủ có thể sẽ có biện pháp hỗ trợ bất thường trong trường hợp cần thiết.

Kết quả kinh doanh của một số doanh nghiệp niêm yết đã dần hé lộ, qua đó bắt đầu thể hiện các dấu hiệu đầu tiên cho thấy những triển vọng tích cực từ một số ngành, lĩnh vực. PV Drilling (PVD) ước tính sơ bộ 6 tháng đầu năm đạt doanh thu hơn 5000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 760 tỷ đồng (tăng trưởng tương ứng 21% và 45% so với cùng kì năm ngoái). Công ty Cổ phần Kết cấu Kim Loại và Lắp máy Dầu khí (PXS) 6 tháng đầu năm cũng lãi trước thuế 81,2 tỷ đồng, bằng 54,2% kế hoạch năm.

Bên cạnh nhóm cổ phiếu dầu khí, ngành cao su cũng là một ngành có triển vọng khá tích cực khi CTCP Cao su Miền Nam (CSM) và CTCP Cao Su Đà Nẵng (DRC) công bố ước tính lợi nhuận 6 tháng ở mức tốt. Cụ thể, CSM ước đạt 150 tỷ đồng LNTT còn DRC đạt 180 tỷ đồng LNTT (đạt 78% kế hoạch năm). Ngành cao su cũng có lợi thế do biến động giá cao su trong 6 tháng đầu năm ổn định và giảm, trong khi giá thành phẩm tăng cao hơn

Trái ngược lại với sự tích cực nêu trên, mặc dù chưa có các ước tính KQKD 6 tháng nhưng tới thời điểm hiện tại có thể thấy một số nhóm ngành nhìn chung sẽ chưa có kì vọng xuất hiện sự thay đổi tích cực. Cụ thể: ngành Bất động sản sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn về đầu ra. Cùng là khó khăn đầu ra, các ngành thép, xi măng nhìn chung đang gặp một thách thức lớn là tồn kho lớn, tỷ lệ vay mượn cao dẫn tới chi phí ăn mòn lợi nhuận và làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của DN. Đối với ngành ngân hàng, mặc dù có lợi thế lãi suất đầu vào giảm mạnh, tuy nhiên tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm rất thấp đồng thời khả năng trích lập dự phòng nợ xấu là các yếu tố khiến lợi nhuận của các NHTMCP trở nên khó có thể dự báo.

Phiên hôm nay chỉ số hai sàn có sự phục hồi nhẹ trở lại, nhưng chưa xuất hiện dấu hiệu tích cực nào do thanh khoản thị trường tiếp tục giảm mạnh mặc dù thanh khoản hiện đã ở mức rất thấp. Như đã nhận định trước đó, nếu không xuất hiện yếu tố tích cực tác động mạnh tới thị trường thì trong ngắn hạn, khả năng dao động giảm dần của chỉ số hai sàn vẫn chiếm xác suất xảy ra cao. Khoảng dao động của VN-Index là 394 – 411 điểm và HNX-Index tương ứng trong vùng 65 – 72 điểm.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:**Tổng quan thị trường**

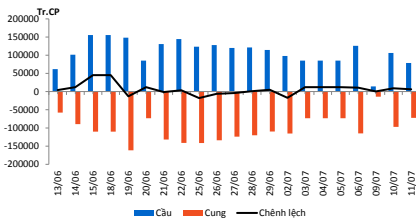
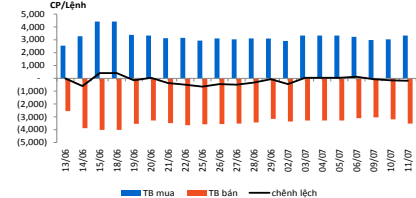
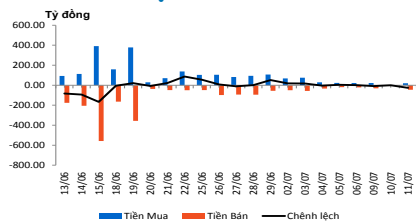
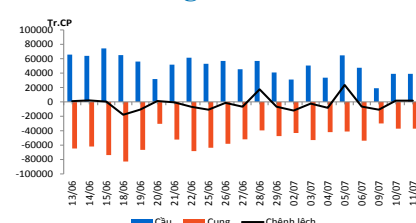
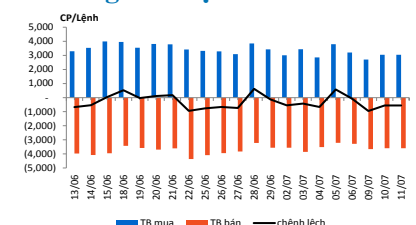
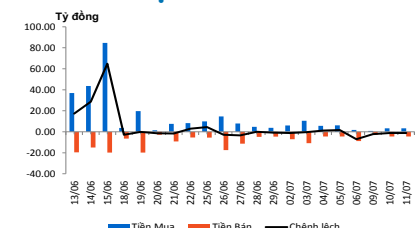
	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	68.60 ↑	0.70	1.03%
KLGD (triệu ck)	20.69 ↓	-2.44	-10.55%
GTGD (tỷ đồng)	196.43 ↓	-24.31	-11.01%
Tổng cung (triệu ck)	34.96 ↓	-2.26	-6.08%
Tổng cầu (triệu ck)	41.90 ↑	2.81	7.18%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.37 ↑	1.15	539.07%
KL bán (triệu ck)	0.08 ↑	0.05	161.17%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10,880.16 ↑	7,941.95	270.30%
Giá trị bán (tỷ đồng)	435.82 ↑	216.62	98.82%

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Xu thế của HNX-index đang là xu thế giảm. Thanh khoản sụt giảm đã tới vùng kỷ lục tương đương hồi cuối năm 2011.

- Xu thế của HNX-Index vẫn đang là giảm.
- Sức mạnh xu thế giảm đang tăng lên, tuy nhiên yếu tố này không còn phản ánh sự tiêu cực nữa do yếu tố thanh khoản của HNX đã giảm tới mức tương đương hồi cuối năm 2011, chỉ khoảng trên dưới 20 triệu đơn vị/phiên.
- Với thanh khoản mức bình quân quanh 20 tr cp/phiên, thị trường thiếu cả bên mua và bên bán, theo đó các trạng thái tăng giảm và sức mạnh xu thế không còn nhiều ý nghĩa. Điều này cũng hàm ý rằng với thanh khoản và cung cầu hiện tại, chỉ một lượng bán hoặc mua nhỏ cũng có thể tạo ra những thay đổi về giá khá đáng kể trên thị trường.
- HNX-Index có hỗ trợ tại 65 điểm. Một sự phục hồi trên chỉ số HNX-Index nếu vượt quá mức 70 điểm sẽ là đáng chú ý mà không cần kèm theo điều kiện thanh khoản tăng mạnh.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Khớp lệnh đợt 1, lực cầu tham gia thị trường khá dè dặt. VN-index gần như đứng yên ở mức 405 điểm trong khi KLGD chỉ đạt khoảng 919.000 cổ phiếu được chuyển nhượng.

Phiên buổi sáng, VN-Index chốt ở 406.77 điểm, tăng nhẹ 0.34% so với hôm qua, khối lượng khá thấp đạt 12 triệu đơn vị, giá trị 164.27 tỷ đồng. Có đến 110 mã tăng giá trên HOSE nhưng khối lượng khớp lệnh giá xanh ở nhiều mã là tương đối ít ỏi. Điều này giải thích tại sao chỉ số tăng nhưng khối lượng giao dịch vẫn ở mức thấp.

Kết thúc phiên, VN-Index đóng cửa tăng nhẹ 1.89 điểm, tương ứng 0.47% lên 407.28. Khối lượng khớp lệnh đạt 19,661,440, giảm hơn 17% so với hôm qua, giá trị đạt 265.68 tỷ đồng. Các cổ phiếu vốn hóa lớn như BVH, GAS, MSN, VCB... duy trì mức bằng và trên tham chiếu giúp chỉ số duy trì tích cực.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Giao dịch giằng co khá mạnh trong suốt buổi sáng. Tường chừng một số lúc chỉ số đã quay đầu giảm điểm nhưng lực cầu tại một số mã chủ chốt đã giúp duy trì sắc xanh và tránh được sự bi quan trong tâm lý giới đầu tư. HNX-Index đóng cửa buổi sáng ở mức 68.24 điểm, tăng nhẹ 0.52%, khối lượng cũng đứng ở mức thấp 11 triệu đơn vị, giá trị 91.75 tỷ đồng. Giao dịch ở HNX tập trung chủ yếu ở VND, HBB và các mã khác như SHS, PVX, SCR... Các mã chủ chốt này đều tăng nhẹ và được lực cầu giá xanh nâng đỡ khá mạnh.

HNX-Index về cuối phiên tăng khá mạnh 1.03% lên 68.59 điểm, khối lượng khớp lệnh đạt 18,768,100 đơn vị, giảm nhẹ 7.8% so với hôm qua, giá trị đạt 159.70 tỷ đồng. Đà bứt phá của HNX được khởi nguồn từ các cổ phiếu chỉ dẫn trên sàn này như VND, SHS, SHB, HBB, VCG, PVX và các cổ phiếu “họ” dầu khí khác. Đà tăng ở các cổ phiếu này được hỗ trợ khá mạnh từ lực cầu khối ngoại, khi họ mua vào 700 ngàn HBB, 250 ngàn SHB, 125 ngàn PGS, 120 ngàn PVG, 50 ngàn VND...

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 24 cổ phiếu tăng giá và 4 cổ phiếu đứng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCG (tăng 5,40%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 2.6% và tổng khối lượng giao dịch đạt 4,290 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 11/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,600.0	100	↑ 5.40	0.49	15.14	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,100.0	3,100	↑ 3.30	0.30	28.18	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	4,400.0	80,400	↑ 2.30	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,300.0	254,100	↑ 3.60	1.67	1.35	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	8,900.0	23,400	↑ 2.30	0.83	5.63	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	→ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,700.0	15,900	↑ 4.40	0.46	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	13,600.0	85,300	↑ 3.00	0.81	2.03	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,300.0	9,200	↑ 1.00	1.80	4.70	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,300.0	262,000	→ 0.00	0.66	7.41	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	16,200.0	9,600	↑ 1.30	0.69	8.18	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	5,500.0	2,100	↑ 1.90	0.53	2.58	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	14,800.0	217,900	↑ 1.40	1.25	3.96	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,000.0	1,321,900	↑ 1.10	0.40	3.38	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,800.0	32,940	↑ 0.80	3.05	12.12	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,500.0	73,290	↑ 0.90	2.00	5.41	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	6,120	↑ 0.78	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,000.0	3,120	↑ 1.45	0.60	5.11	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,700.0	98,080	↑ 1.74	0.67	2.88	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	31,900.0	15,140	↑ 1.92	1.56	4.51	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	157,170	↑ 4.88	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,800.0	111,200	↑ 2.42	1.14	6.64	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	11,600.0	398,850	↑ 1.75	1.02	14.68	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,800.0	1,003,030	↑ 4.35	0.49	43.64	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,700.0	30,490	→ 0.00	0.55	3.80	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,600.0	26,160	→ 0.00	0.51	2.92	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,500.0	39,110	↑ 1.94	0.79	3.15	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	10,560	↑ 3.77	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,200	22,100	-0.45	27,788,269
SSI	19,000	19,200	1.05	17,038,617
VIC	78,500	77,500	-1.27	28,978,480
CTG	19,800	20,100	1.52	15,489,271
CSM	24,200	24,100	-0.41	9,334,096

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	8,900	8,900	0.00	25,749
VND	9,200	9,100	-1.09	24,261
ACB	25,600	25,500	-0.39	22,338
SVN	39,600	39,600	0.00	13,054
SCR	9,000	8,700	-3.33	12,660

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VES	1,500	1,600	100	6.67
SPM	32,100	33,700	1,600	4.98
OPC	32,300	33,900	1,600	4.95
VIP	6,100	6,400	300	4.92
TPC	10,200	10,700	500	4.90

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NHC	21,500	23,000	1,500	6.98
HDA	7,200	7,700	500	6.94
HCT	5,800	6,200	400	6.90
GMX	11,600	12,400	800	6.90
SAP	9,000	9,600	600	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,600	1,500	-100	-6.25
AGF	30,200	28,700	-1,500	-4.97
CNT	8,200	7,800	-400	-4.88
GDT	14,800	14,100	-700	-4.73
VFG	39,000	37,200	-1,800	-4.62

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
AGC	800	700	-100	-12.50
SSS	4,300	4,000	-300	-6.98
VXB	8,600	8,000	-600	-6.98
TPH	5,800	5,400	-400	-6.90
DHL	8,700	8,100	-600	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VES	0	VES	0
SPM	0	SPM	0
OPC	0	OPC	0
VIP	0	VIP	0
TPC	0	TPC	0

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	1,009	AAA	1,044
VCS	450	VNR	871
PVX	445	SDT	615
PGS	420	VC1	296
VND	225	BVS	235

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339